

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒ ; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Chăn nuôi; Chuyên ngành: Chăn nuôi

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Trương Thanh Trung

2. Ngày tháng năm sinh: 29/10/1984; Nam: ☒ Nữ ☐ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: Phường Trung Kiên, Quận Thốt Nốt, Thành phố Cần Thơ

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 101, Khu vực 4, Đường 26/3, Phường Châu Văn Liêm, Quận Ô Môn, Thành phố Cần Thơ

6. Địa chỉ liên hệ: Khoa Chăn nuôi, Trường Nông nghiệp, Trường Đại học Cần Thơ. Khu 2, đường 3/2, Phường Xuân Khánh, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.

Điện thoại di động: 0988911650; E-mail: tttrung@ctu.edu.vn

7. Quá trình công tác:

Từ 10/2006 đến 09/2008: Nghiên cứu viên, Trường Đại học Cần Thơ

Từ 10/2008 đến 08/2010: Học Thạc sĩ ngành Phát triển nông thôn của Trường Đại học Nông nghiệp Thụy Điển tổ chức tại Trường Đại học Nông Lâm Huế (RDViet)

Từ 9/2010 đến 5/2012: Nghiên cứu viên, Trường Đại học Cần Thơ

Từ 6/2012 đến 6/2018: Nghiên cứu sinh ngành Chăn nuôi tại Trường Đại học Cần Thơ

Từ 7/2018 đến 5/2020: Nghiên cứu viên, Trường Đại học Cần Thơ

Từ 6/2020 đến nay: Giảng viên, Trường Đại học Cần Thơ; Thư ký Khoa Chăn nuôi

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
Chức vụ: Hiện nay: Chi ủy viên Chi bộ Chăn nuôi, Thư ký Khoa Chăn nuôi; Chức vụ cao nhất đã qua: Chi ủy viên Chi bộ Chăn nuôi; Thư ký Khoa Chăn nuôi

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Chăn nuôi, Trường Nông nghiệp, Trường Đại học Cần Thơ

Địa chỉ cơ quan: Khu II, đường 3/2, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

Điện thoại cơ quan: 0292 3832 663

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 15 tháng 8 năm 2006; số văn bằng: C0769858; ngành: Chăn nuôi – Thú y, chuyên ngành: Chăn nuôi – Thú y; Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Cần Thơ, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS ngày 17 tháng 3 năm 2011; số văn bằng: SFS 1993:221/2006:1405; ngành: Phát triển nông thôn; chuyên ngành: Phát triển nông thôn, sinh kế và quản lý tài nguyên thiên nhiên; Nơi cấp bằng ThS: Trường Đại học Khoa học Nông nghiệp, Thụy Điển (Swedish University of Agricultural Sciences)

- Được cấp bằng TS ngày 25 tháng 5 năm 2018; số văn bằng: 0000066; ngành: Chăn nuôi; chuyên ngành: Chăn nuôi; Nơi cấp bằng TS: Trường Đại học Cần Thơ, Việt Nam

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: Chưa

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Hội đồng 1, Trường Đại học Cần Thơ

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Chăn nuôi - Thú y - Thủy sản

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Hướng nghiên cứu 1: Dinh dưỡng và thức ăn để nâng cao năng suất tăng trưởng và sinh sản của gia súc gia cầm

- Hướng nghiên cứu 2: Ô nhiễm môi trường và khí thải gây hiệu ứng nhà kính trong chăn nuôi

- Hướng nghiên cứu 3: Phát triển quy trình chăn nuôi - thú y trên dê.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn NCS bảo vệ thành công luận án TS: Chưa

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Đã hướng dẫn 01 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS ngành Chăn nuôi với kết quả đạt loại Xuất sắc

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng 02 cấp cơ sở; 01 đề tài cấp Bộ (đã nghiệm thu cấp cơ sở);

- Đã công bố 54 bài báo khoa học, trong đó 16 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Đã được cấp bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích: Không

- Số lượng sách đã xuất bản 04, trong đó 04 thuộc nhà xuất bản có uy tín;

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: Không

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): Không

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Ứng viên có lập trường, tư tưởng, bản lĩnh chính trị ổn định và vững vàng, có phẩm chất đạo đức tốt. Ứng viên trung thực khách quan, có tính thần cầu thị, trách nhiệm cao và chịu khó học hỏi trong công việc và nghiên cứu khoa học. Ứng viên luôn cố gắng hoàn thành các công việc được cấp trên giao cho với hiệu quả công việc tốt. Bản thân ứng viên không ngừng học hỏi, trao đổi, tham dự các hội thảo, hội nghị, các chương trình thực tế nhằm nâng cao trình độ phục vụ cho công tác giảng dạy và nghiên cứu. Đối với đồng nghiệp luôn thể hiện thái độ hòa nhã, tương thân tương ái, đoàn kết và hỗ trợ nhau trong cuộc sống cũng như trong nghiên cứu khoa học. Đối với người học, ứng viên luôn có thái độ chuẩn mực, lắng nghe, trao đổi, hỗ trợ và động viên. Ứng viên luôn đáp ứng tốt tiêu chuẩn và hoàn thành tốt nhiệm vụ của nhà giáo.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 19 năm trong đó có 14 năm là nghiên cứu viên, 5 năm là giảng viên (4 năm giảng viên chính thức và 1 năm giảng viên tập sự).

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2019-2020							
2	2020-2021	-	-	-	-	137,5	-	137,5/190,4/135
3	2021-2022	-	-	-	8	180	-	180/498,5/200
03 năm học cuối								
4	2022-2023	-	-	-	7	160	-	160/526,2/200
5	2023-2024	-	-	-	7	150	-	150/672,1/200
6	2024-2025	-	-	01	12	129	45	174/528/220

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước (*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☒

- Bảo vệ luận văn ThS tại nước: Việt Nam (Chương trình Thạc sĩ được đào tạo hoàn toàn bằng tiếng Anh của Trường Đại học Khoa học Nông nghiệp, Thủy Điện) năm 2010.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

d) Đối tượng khác ☐

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên HVCH	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Trần Long Hải		x	x		2022-2024	Trường Đại học Cần Thơ	20/5/2025; Số hiệu văn bằng 0008779

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận TS						
II	Sau khi được công nhận TS						
1	Nguồn thức ăn mới : Dinh dưỡng, kết quả nghiên cứu và cách sử dụng cho gia súc - gia cầm	TK	NXB Trường Đại học Cần Thơ năm 2021	6		1-29	Giấy xác nhận sử dụng sách số 2130/GXN-ĐHCT ngày 13/06/2025 ISBN: 978-604-965-581-4

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

2	Chăn nuôi gia súc nhai lại A	GT	NXB Trường Đại học Cần Thơ năm 2023	3	Đồng chủ biên	129-195	Giấy xác nhận sử dụng sách số 2131/GXN-ĐHCT ngày 13/06/2025 ISBN: 978-604-965-248-6
3	Vệ sinh môi trường chăn nuôi	GT	NXB Trường Đại học Cần Thơ năm 2023	3	Đồng chủ biên	88-138	Giấy xác nhận sử dụng sách số 2132/GXN-ĐHCT ngày 13/06/2025 ISBN: 978-604-965-241-7
4	Gieo trồng nhân tạo trên cỏ	TK	NXB Nông nghiệp năm 2025	3	x		Giấy xác nhận sử dụng sách số 2155/GXN-ĐHCT ngày 13/06/2025 ISBN: 978-604-60-4077-4

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: Không

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận PGS/TS				
II	Sau khi được công nhận PGS/TS				
1	Improve animal production systems for higher quality and safety of products	TV	Nghị định thư (A9). ODA – CTU. JICA project (Japan)	2018-2021	Biên bản nghiệm thu ngày 21/12/2021, xếp loại Đạt
2	Nghiên cứu sử dụng Vedafeed-CMS+55 trên dê bách thảo tăng trưởng và dê bách thảo cho sữa	CN	Đề tài Nghiên cứu-Thử nghiệm; Hợp tác với doanh nghiệp	2019 - 2020	Biên bản nghiệm thu ngày 12/6/2020, xếp loại Tốt

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

3	Ảnh hưởng của việc bổ sung vitamin C (acid ascorbic) trong khẩu phần lên năng suất sinh sản của thỏ lai địa phương trong điều kiện ở Đồng bằng Sông Cửu Long của Việt Nam	CN	Mã số: T2019-73 Đề tài NCKH cấp cơ sở	2019 - 2020	Biên bản nghiệm thu ngày 06/8/2020, xếp loại Tốt
4	Xây dựng mô hình nuôi dế (Grylloidea) thương phẩm tại huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long	CN	Đề tài NCKH cấp cơ sở (Huyện)	2021-2022	Biên bản nghiệm thu ngày 13/7/2022, xếp loại Tốt
5	Ảnh hưởng của việc bổ sung vitamin C trong khẩu phần lên năng suất tăng trưởng của thỏ lai địa phương	CN	Mã số: T2021-103 Đề tài NCKH cấp cơ sở	2021 - 2022	Biên bản nghiệm thu ngày 15/7/2022, xếp loại Tốt
6	Nghiên cứu các mức dinh dưỡng tối ưu trong khẩu phần nuôi thỏ đực sinh sản và xây dựng quy trình gieo tinh nhân tạo thỏ	CN	Mã số: B2023-TCT-16 Đề tài NCKH cấp Bộ	2023 - 2024	Biên bản nghiệm thu cơ sở ngày 09/5/2025, đánh giá Đạt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký, TV: Thành viên.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS							
1	Effects of different plants and their replacement levels to pig manure on in vitro biogas production by using syringe and flask systems	3	X	Sansed – Project Final Report 2009; ISBN 3-937941-14-2;			Trang 104-110	4/2009

2	Effect of different inoculum sources on in vitro biogas production by using syringe and flask systems	3		Sansed – Project Final Report 2009; ISBN 3-937941-14-2;			Trang 118-125	4/2009
3	Effects of Dietary Crude Protein Levels on Growth Performance, Nutrient Digestibility and Nitrogen Retention in Growing Californian Rabbits Fed Available Feedstuffs in Mekong Delta of Vietnam	2	X	2 nd International Conference on Rabbit Production in Indonesia 2013; ISBN: 978-602-8475-94-5		4	Trang 126-132	8/2013
4	Ảnh hưởng của các mức độ năng lượng trao đổi (ME) trong khẩu phần đến sự tận dụng thức ăn, tỷ lệ tiêu hóa dưỡng chất, tăng trọng và chất lượng thân thịt của thỏ Californian ở Đồng bằng Sông Cửu Long	2	X	Journal of Animal Science and Technology, National institute of Animal Sciences, Vietnam; ISSN: 1859-0802		2	Số 50 tháng 10/2014: Trang 20-30	10/2014
5	Ảnh hưởng của các mức độ protein thô và xơ trung tính trong khẩu phần lên tỷ lệ tiêu hóa dưỡng chất và thành phần phân mềm của thỏ	2	X	Kỷ yếu Hội nghị Khoa học Chăn nuôi Thú Y toàn quốc 2015; ISBN 978-604-60-2019-6			Trang 425-430	4/2015
6	Effects of dietary crude protein levels on growth rate, meat production, digestible nutrients and economic return of californian rabbits (<i>Oryctolagus cuniculus</i>) in Mekong Delta of Vietnam	2	X	Can Tho University Journal of Science; ISSN: 2588-1418		2	Vol 2 (2016) Trang 13-19	02/2016
7	A response of feed utilization, nutrient digestibility, growth and carcass value of Californian rabbits to dietary metabolizable energy	3	X	Can Tho University Journal of Science; ISSN: 2588-1418		2	Vol 3 (2016) Trang 25-31	8/2016
8	Ảnh hưởng của sự bổ sung acid glutamic lên tăng trọng, chất lượng quây thịt, tỷ lệ tiêu hóa dưỡng chất và hiệu quả kinh tế của thỏ Californian tăng trưởng	2	X	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ; ISSN: 1859-2333			(2016)(2): Trang 168-173	10/2016
9	Effects of cashew nut shell oil on in vitro methane production and organic matter digestibility	3	X	JIRCAS Working Report, 2016. (ISSN (Print): 1341-710X)			No.84, Trang 22-25	3/2016

10	Nutrient evaluation with emphasis on amino acid values of the common feedstuffs for rabbits in the Mekong Delta Vietnam	2	X	Journal of Animal Science and Technology; ISSN: 1859-0802;			Vol. 69. Nov, 2016: Trang 10-20	11/2016
11	Effect of lysine and threonine levels in the diets on feed intake, nutrient digestibility, growth and carcass value of Californian rabbits in the Mekong Delta Vietnam	2	X	Journal of Animal Science and Technology; ISSN: 1859-0802;			Vol. 69. Nov, 2016: Trang 21-34	11/2016
12	Effect of different protein sources in the diets on feed intake, nutrient digestibility, growth and carcass value of californian rabbits (<i>Oryctolagus cuniculus</i>) in the Mekong delta of Vietnam	3	X	Can Tho University Journal of Science; ISSN: 2588-1418		4	Vol 5 (2017) Trang 158-165	3/2017
II	Sau khi được công nhận TS							
13	Effects of levels of crude protein intakes on feed utilization, nutrient digestibility and nitrogen retention of growing Bach Thao goats	2	X	The 4th International Asian-Australasian Dairy Goat Conference 17-19 October, 2018 (ISBN: 978-604-60-2807-9)		1	Trang 278-282	10/2018
14	Effects of different protein sources in the diets on feed intake, nutrient digestibility and nitrogen retention of pregnant Bach Thao goats	2	X	The 4th International Asian-Australasian Dairy Goat Conference 17-19 October, 2018 (ISBN: 978-604-60-2807-9)		1	Trang 237-242	10/2018
15	Response of reproductive performance of rabbit does to antioxidant vitamin C supplementation in diets	2	X	Journal of Animal Science and Technology; ISSN: 1859-0802			Vol 116. October, 2020: Trang 16-25	10/2020
16	Tăng khối lượng, tiêu hóa dưỡng chất và chất lượng quây thịt của dê Bách Thảo	2	X	KHKT Chăn nuôi; ISSN: 1859-476X			Số 260 - tháng 10 năm 2020: Trang 29-34	10/2020

17	Ảnh hưởng của CMS+ đến năng suất sinh sản, sản lượng và chất lượng sữa của dê Bách Thảo	2	X	KHKT Chăn nuôi; ISSN: 1859-476X			Số 260 - tháng 10 năm 2020: Trang 35-41	10/2020
18	Effects of different ascorbic acid supplement levels on growth rate, nutrients digestibility and economic return of crossbred rabbits in the Mekong delta of Viet Nam	2	X	Journal of Animal Science and Technology; ISSN: 1859-0802		1	Vol 116. October, 2020: Trang 26-33	10/2020
19	Ảnh hưởng mức bổ sung thức ăn hỗn hợp đến tiêu thụ và tiêu hóa đường chất thức ăn của bò lai charolais từ 13 đến 15 tháng tuổi tại tỉnh An Giang	2		KHKT Chăn nuôi; ISSN: 1859-476X			Số 270 - tháng 10 năm 2021: Trang 63-71	10/2021
20	Ảnh hưởng mức bổ sung thức ăn hỗn hợp đến tiêu thụ và tiêu hóa đường chất thức ăn của bò lai wagyu giai đoạn 13-16 tháng tuổi tại An Giang	2		KHKT Chăn nuôi; ISSN: 1859-476X			Số 272 - tháng 12 năm 2021: Trang 28-34	12/2021
21	Ảnh hưởng các mức bổ sung thức ăn hỗn hợp đến tiêu thụ và tiêu hóa đường chất thức ăn bò lai wagyu giai đoạn 9-12 tháng tuổi tại An Giang	2		KHKT Chăn nuôi; ISSN: 1859-476X			Số 271 - tháng 11 năm 2021: Trang 44-50	11/2021
22	Effects of different protein sources in the diets on feed intake, nutrient digestibility and nitrogen retention of growing bach thao goats	2	X	Kỷ yếu Hội nghị Khoa học Chăn nuôi Thú Y toàn quốc 2021; ISBN: 978-604-337-133-8: AVS2021			Trang 655-660	4/2021
23	Ảnh hưởng các mức năng lượng tiêu hóa trong khẩu phần tới các chỉ tiêu sinh trưởng, sinh sản của thỏ đực lai	3	X	Kỷ yếu Hội nghị Khoa học Chăn nuôi Thú Y toàn quốc 2021; ISBN: 978-604-337-133-8: AVS2021			Trang 954-960	4/2021
24	Enteric methane emission models for diverse beef cattle feeding systems in South-east Asia: A meta-analysis	42		Animal Feed Science and Technology: ISSN: 1873-2216	Scimago (Q1; H=149; SJR: 0,694)	7	294 (2022) 115474	12/2022

25	Effects of vitamin C supplementation in the drinking water on hematological indicators of growing and reproductive doe rabbits	3	X	Journal of Animal Husbandry Sciences and Technics (JAHST); ISSN: 1859-476X		1	No. 279 (Aug, 2022): Trang 62-69	8/2022
26	Khả năng tiêu thụ dưỡng chất và năng suất sinh sản, sản lượng sữa, chất lượng sữa dê Bách Thảo	3		KHKT Chăn nuôi; ISSN: 1859-476X			Số 273 - tháng 1 năm 2022: Trang 73-78	01/2022
27	Ảnh hưởng các mức protein thô trong khẩu phần lên sự tiêu thụ thức ăn và tỷ lệ tiêu hóa dưỡng chất của bò lai hướng thịt giai đoạn 25 đến 28 tháng tuổi	2		KHKT Chăn nuôi; ISSN: 1859-476X			Số 280 - tháng 9 năm 2022: Trang 47-52	9/2022
28	Effects of rice distillers' by-product supplementation on feed intake, nutrient digestibility and nitrogen retention of Bach Thao goats	2		Livestock Research for Rural Development; ISSN: 0121-3784	Scopus (Q3; H=40; SJR: 0,226)	2	35 (9) 2023	9/2023
29	Effects of maize and molasses supplementation with different levels in diets on growth performance of New Zealand White crossbred rabbits	3		Livestock Research for Rural Development; ISSN: 0121-3784	Scopus (Q3; H=40; SJR: 0,226)		35 (4) 2023	4/2023
30	Effect of dietary crude protein levels on feed intake and nutrient digestibility of Wagyu crossbred cattle	2		Online Journal of Animal and Feed Research; ISSN: 2228-7701	Scopus (Q3; H=9; SJR: 0,183)	2	Volume 13, Issue 4: 295-301; July 27, 2023	7/2023
31	Effects of feeding frequency on feeding behavior, feed efficiency, weight gain and economic returns of growing crossbred rabbits	2	X	Journal of Animal Husbandry Sciences and Technics (JAHST); ISSN: 1859-476X			No. 292 (Sep, 2023): Trang 42-48	9/2023
32	Effects of vitamin e supplementary levels in diets on the reproductive performance of crossbred (Newzealand white x local) rabbits in Vietnam	6		Journal of Animal Husbandry Sciences and Technics (JAHST); ISSN: 1859-476X			No. 292 (Sep, 2023): Trang 49-56	9/2023

33	Improving rabbit sperm quality during cold storage preservation through cysteine supplementation	4		Journal of Animal Husbandry Sciences and Technics (JAHST); ISSN: 1859-476X			No. 291 (Aug, 2023): Trang 11-18	8/2023
34	Effects of forage quality on feed intake, nutrient digestibility and nitrogen retention of post-weaning Saanen crossbred goats	2		Livestock Research for Rural Development; ISSN: 0121-3784;	Scopus (Q3; H=40; SJR: 0,226)		35 (12) 2023	12/2023
35	Effects of the fermented soya waste supplementation with various probiotic sources on growth performance of crossbred rabbits	4	X	Veterinary Integrative Sciences; ISSN: 2629-9968	Scopus (Q3; H=9; SJR: 0,247)		2024; 22 (3): Trang 787 - 803	01/2024
36	Sự lưu hành và đề kháng kháng sinh của vi khuẩn Pasteurella multocida phân lập từ dê nuôi tại thành phố Cần Thơ	5		The Journal of Agriculture and Development; ISSN: 2615-949X			23(1), Trang 14-24.	01/2024
37	Ảnh hưởng của các mức năng lượng trao đổi trong khẩu phần nuôi thỏ đực đến chất lượng tinh trùng và năng suất sinh sản của thỏ cái lai	2		KHKT Chăn nuôi; ISSN: 1859-476X			Số 298 - tháng 4 năm 2024: Trang 19-27	4/2024
38	Pathogenic and Antibiotic Resistance Genes of Pasteurella multocida Isolated from Goats in the Mekong Delta, Vietnam	5		World's Veterinary Journal; ISSN: 2322-4568	Scopus (Q3; H=10; SJR: 0,228)		14(2): Trang 169-177	6/2024
39	Prevalence and Antimicrobial Susceptibility of Escherichia coli Isolated from Goats in the Mekong Delta, Vietnam	4		World's Veterinary Journal; ISSN: 2322-4568	Scopus (Q3; H=10; SJR: 0,228)	1	14(1): Trang 129-136	3/2024
40	Effects of Dietary Crude Protein Levels on Crossbred Buck Rabbit Semen Characteristics and Reproductive Performance of Does	3	X	Advances in Animal and Veterinary Sciences; ISSN: 2307-8316	Scopus (Q3; H:21; SJR: 0,234)		12(10): Trang 1853-1861	8/2024

41	Effects of replacing concentrate feed by probiotic fermented soya waste in the diet on feed consumption, nutrient digestibility, nitrogen retention and rumen parameters of growing goats	2	X	Livestock Research for Rural Development; ISSN: 0121-3784	Scopus (Q3; H=40; SJR: 0,226)	1	36 (3) 2024	3/2024
42	Improving Rabbit Fertility: The Relationship Between Semen Dilution Rate and Artificial Insemination Effectiveness	3		Tropical Animal Science Journal; ISSN: 2615-790X	Scopus (Q2; H=42; SJR: 0,31)		March 2024, 47(1): Trang 9-14	3/2024
43	Growth performance and carcass quality of Tre chickens raised in different levels of saline water	6		Veterinary Integrative Sciences; ISSN: 2629-9968	Scopus (Q3; H=9; SJR: 0,247)		23(1): e2025014-1-9	5/2024
44	Effect of age and levels of vitamin e supplementation in the diet on sperm quality of crossbred buck rabbits (new zealand white × local)	3	X	Journal of Animal Husbandry Sciences and Technics (JAHST); ISSN: 1859-476X;			No. 301 (Aug, 2024): Trang 24-29	8/2024
45	Effects of dietary metabolizable energy levels on crossbred rabbit semen characteristics in Mekong Delta, Vietnam	2	X	13th World Rabbit Congress – October 2-4 2024 – Tarragona, Spain; ISBN - 978-84-09-65217-4			Trang 465-469	10/2024
46	Effects of digestible energy sources and levels in diets on reproductive performance of New Zealand White crossbred rabbits	2	X	13th World Rabbit Congress – October 2-4 2024 – Tarragona, Spain; ISBN - 978-84-09-65217-4			Trang 410-414	10/2024
47	Effects of the replacement of ipomoea aquatica for commercial pellet feeds in diets on growth performance and carcass characteristics of growing crossbred rabbits	2	X	13th World Rabbit Congress – October 2-4 2024 – Tarragona, Spain; ISBN - 978-84-09-65217-4			Trang 461-464	10/2024

48	Prevalence and antibiotic resistance of Escherichia coli isolated from the respiratory tract of goats in Can Tho city, Vietnam	5		The Journal of Agriculture and Development; ISSN: 2615-949X			23(6): Trang 13-23	6/2024
49	Ảnh hưởng của mật độ nuôi và tỷ lệ thay thế phân bón bằng phân cá Tra đến năng suất Trùn Quế	4	X	KHKT Chăn nuôi; ISSN: 1859-476X			Số 296 - tháng 1 năm 2024: Trang 70-77	1/2024
50	Utilizing Fermented Soya Waste in the Diet of Boer Crossbred Goats	4	X	Advances in Animal and Veterinary Sciences; ISSN: 2307-8316	Scopus (Q3; H:21; SJR: 0,234)		13(5): 972-979	4/2025
51	Using Silaged Water Hyacinth to Replace Elephant Grass in the Diet of Boer Crossbred Goats	2	X	Advances in Animal and Veterinary Sciences; ISSN: 2307-8316	Scopus (Q3; H:21; SJR: 0,234)		13(6):1191 - 1199	5/2025
52	Effect of metabolizable energy levels in the diets on feed intake, nutrient digestibility and nitrogen retention of crossbred Boer goats	4		Livestock Research for Rural Development; ISSN: 2307-8316	Scopus (Q3; H=40; SJR: 0,226)		37 (2) 2025	6/2025
53	Prevalence and Antibiotic Resistance of Staphylococcus spp. Isolated from the Respiratory Tract of Meat Goats in Can Tho City, the Mekong Delta, Vietnam	6		International Journal of Veterinary Science; ISSN: 2305-4360;	Scopus (Q2; H=17; SJR: 0,365)		14(3): 542-547	6/2025
54	The effects of different levels of vitamin E supplementation in the diet on the reproductive performance of crossbred rabbits using artificial insemination technique	4	X	CTU Journal of Innovation and Sustainable Development; ISSN: 2588-1418			Vol. 17 No. 2 (2025)	6/2025

- Trong đó: Số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UỶ là tác giả chính sau TS: là 05 bài (35, 40, 41, 50 và 51)

Trung Thanh Truong, Hai Long Tran, Nghia Khoi Nguyen, & Tam Thu Nguyen (2024). Effects of the fermented soya waste supplementation with various probiotic sources on growth performance of crossbred rabbits: <https://doi.org/10.12982/VIS.2024.052>. Veterinary Integrative Sciences, 22(3), 787–803. retrieved from <https://he02.tci-thaijo.org/index.php/vis/article/view/267186>

Trung TT, Dong NTK, Hai TL (2024). Effects of dietary crude protein levels on crossbred buck rabbit semen characteristics and reproductive performance of does. Adv. Anim. Vet. Sci. 12(10): 1853-1861. <https://dx.doi.org/10.17582/journal.aavs/2024/12.10.1853.1861>

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước **Truong Thanh Trung** and Nguyen Binh Truong (2024). Effects of replacing concentrate feed by probiotic fermented soya waste in the diet on feed consumption, nutrient digestibility, nitrogen retention and rumen parameters of growing goats. *Livestock Research for Rural Development* 36 (3) 2024. www.lrrd.org/lrrd36/3/3627nbtr.html

Trung TT, Linh NT, Dong NTK, Al Zahra W (2025). Utilizing fermented soya waste in the diet of boer crossbred goats. *Adv. Anim. Vet. Sci.* 13(5): 972-979. <https://dx.doi.org/10.17582/journal.aavs/2025/13.5.972.979>

Trung TT, Nhan P (2025). Using silaged water hyacinth to replace elephant grass in the diet of Boer crossbred goats. *Adv. Anim. Vet. Sci.*, 13(6):1191-1199. <https://dx.doi.org/10.17582/journal.aavs/2025/13.6.1191.1199>

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau TS: Không

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích:

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1	Quy trình chăn nuôi dê theo hướng an toàn sinh học tiến tới chăn nuôi theo tiêu chuẩn VIETGAHP và hữu cơ	Trường Đại học Cần Thơ	Quyết định số 861/QĐ-ĐHCT ngày 14/4/2021	Tác giả chính	1
2	Quy trình xử lý bã đậu nành tươi bằng men vi sinh để sử dụng cho dê và thỏ	Trường Đại học Cần Thơ	Quyết định số 6259/QĐ-ĐHCT ngày 12/12/2024	Tác giả chính	3
3	Sáng chế “Quy trình bổ sung lợi khuẩn, nghệ đen, gừng và tỏi vào thức ăn chăn nuôi gia cầm (IP2021-06)	Cục Sở hữu trí tuệ	Quyết định chấp nhận hợp lệ số 67241/QĐ-SHTT ngày 8/9/2023	Đồng tác giả	3

- Trong đó: Số lượng bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau TS: Chưa.

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau TS: Không

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Hội đồng điều chỉnh chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Chăn nuôi	Thư ký	Quyết định số 4788/QĐ-ĐHCT ngày 19/11/2021	Trường Đại học Cần Thơ	Quyết định số 3334/QĐ-ĐHCT ngày 24 tháng 8 năm 2022	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm, còn thiếu: **thiếu 24 tháng**. Ứng viên đồng ý phải có ít nhất gấp hai lần điểm CTKH quy đổi.

- Giờ giảng dạy: **đủ**

- Hướng dẫn chính HVCH: **thiếu 01**

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH đã có Quyết định cấp bằng ThS

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH được cấp bằng ThS bị thiếu:

Doan Tri Dung, Vo Thi Phuong Tien, **Truong Thanh Trung** and Lam Phuoc Thanh, 2025. Effect of metabolizable energy levels in the diets on feed intake, nutrient digestibility and nitrogen retention of crossbred Boer goats. Livestock Research for Rural Development; 37 (2) 2025 (Số thứ tự bài báo: 52).

c) Nghiên cứu khoa học: **đủ**

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Cần Thơ, ngày 24 tháng 6 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



Trương Thanh Trung